

KS. TRẦN VĂN HẢI

KỸ THUẬT TÌM PÁN

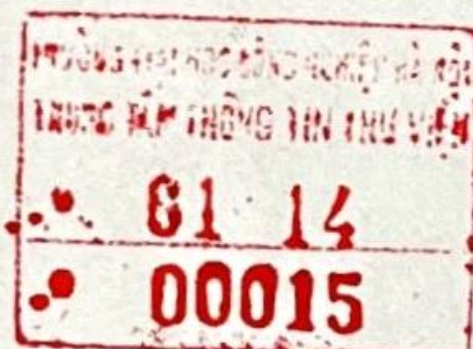
Máy lạnh

Tủ lạnh



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN HẢI



KỸ THUẬT TÌM PẠM

MÁY LẠNH TỦ LẠNH



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
TP. HỒ CHÍ MINH - 2002

Cùng các bạn

HỌC VIÊN kỹ nghệ lạnh!

Chúng tôi viết bộ từ điển “Kỹ thuật tìm pan máy lạnh, tủ lạnh” này nhằm giúp cho các bạn học viên các lớp kỹ nghệ lạnh có thêm một tài liệu sống mà chúng tôi đã thu lượm được qua nhiều năm hành nghề và thực nghiệm có kết quả tốt tại một số cơ xưởng do chính chúng tôi điều khiển với tư cách là quản đốc kỹ thuật.

Trong bộ từ điển này, chúng tôi chỉ chú trọng về cấu tạo các bộ phận và cách tìm pan căn cứ theo triệu chứng của các loại máy lạnh, tủ lạnh mà ít đề cập đến lý thuyết tổng quát.

Với trên mười năm kinh nghiệm trong nghề, chúng tôi tin rằng không một bộ phận nào trong máy lạnh (Air Conditioner), tủ lạnh (Refrigerator) và tủ ướp lạnh (Freezer)... – từ đây gọi tắt là máy lạnh – thông dụng ngoài thị trường không được đề cập trong sách này, đồng thời kèm theo đầy đủ những trường hợp tìm pan căn bản mà các bạn rất thường gặp trong nghề sửa chữa máy lạnh.

Với bộ từ điển này, nếu chịu khó đọc và suy luận,
các bạn sẽ có thể tìm được nhiều phương pháp sửa
chữa tốt và dễ dàng.

Xin chúc các bạn học viên thành công!

TRẦN VĂN HẢI

Bảng tra thuật ngữ VIỆT - ANH

- Bình chứa chất làm lạnh thể lỏng : Accumulator	96
- Bộ bốc hơi : Evaporator	67
- Bộ bốc hơi loại ẩm : Flooded evaporator	67
- Bộ bốc hơi loại khô Dry evaporator	68
- Bộ điều nhiệt Thermostat	146
- Bộ trao đổi nhiệt Heat exchanger	92
- Bộ lọc Strainer drier	81
- Bộ chống quá tải Overload	152
- Bộ ngưng tụ : Condenser	62
- Cầu chì : Fuse	176
- Chu trình làm lạnh : Refrigeration cycle	7
- Công suất : Power	118
- Cường độ dòng điện : Intensity	115
- Đệm cửa tủ lạnh : Door liner	100
- Điện học : Electricity	111
- Điện thế : Potential; Voltage	113
- Điện trở : Resistance	120
- Động cơ chia pha: Split phase motor	20
- Động cơ mang tụ điện : Capacitor motor	21
- Đường dẫn thể lỏng : Liquid line	105
- Đường ống đi : Discharge line	104

- Đường ống về : Suction line	105
- Hệ thống ống dẫn chất làm lạnh : Refrigerant tube system	103
- Hệ thống xả đá : Defrost system	167
- Rơle : Relay	123
- Rơle nhiệt : Hot wire relay	126
- Rơle thế : Potential relay	124
- Rơle dòng : Current relay	125
- Máy nén : Compressor	13
- Máy nén bọc kín : Hermetic compressor	14
- Máy nén nửa trần : Semi compressor	14
- Máy nén quay tròn : Rotary compressor	15
- Máy nén xoay chiều : Reciprocating compressor	15
- Quạt : Fan	161
- Ống mao dẫn : Capillary tube; cap tube	85
- Tụ điện : Capacitor	135
- Tụ điện khởi động : Starting capacitor	136
- Tụ điện vận hành : Running capacitor	136
- Van dẫn nở : Expansion valve	87
- Vỉ lọc gió : Air-filter	98

Bảng tra thuật ngữ ANH - VIỆT

- Accumulator: Bình chứa chất làm lạnh thể lỏng	96
- Air-filter : Vỉ lọc gió	98
- Cap-tube : Ống mao dẫn	85
- Capacitor : Tụ điện	135
- Capacitor motor : Động cơ mang tụ điện	21
- Capillary tube : Ống mao dẫn	85
- Compressor : Máy nén	13
- Current relay : Rơle dòng	125
- Defrost system : Hệ thống xả đá	167
- Discharge line : Đường ống đi	104
- Door-liner : Đệm cửa tủ lạnh	100
- Dry evaporator : Bộ bốc hơi loại khô	68
- Electricity : Điện học	111
- Evaporator : Bộ bốc hơi	67
- Expansion valve : Van dẫn nở	87
- Fan : Quạt	161
- Flooded evaporator : Bộ bốc hơi loại ẩm	67
- Fuse : Cầu chì	176
- Heat exchanger: Bộ trao đổi nhiệt	92
- Hermetic compressor : Máy nén bọc kín	14
- Hot wire relay: Rơle nhiệt	126
- Intensity : Cường độ	115

- Liquid line : Đường dẫn thể lỏng	105
- Overload : Bộ chống quá tải	152
- Potential : Điện thế	113
- Potential relay : Rơle thế	124
- Power : Công suất	118
- Reciprocating compressor : Máy nén xoay chiều	15
- Refrigerant tubes system : HT ống dẫn chất làm lạnh	103
- Refrigeration cycle : Chu trình làm lạnh	7
- Relay : Rơle	123
- Resistance : Điện trở	120
- Rotary compressor : Máy nén quay	15
- Running capacitor : Tụ điện vận hành	136
- Semi compressor : Máy nén để trần	14
- Split phase motor : Động cơ chia pha	20
- Starting capacitor : Tụ điện khởi động	136
- Strainer drier : Bộ lọc	81
- Suction line : Đường ống về	105
- Thermostat : Bộ điều nhiệt	146
- Voltage : Điện thế	113